

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

NĂM 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông được thành lập theo giấy phép số 76/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/02/2008 với số vốn điều lệ là **135,000,000,000 đồng** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đặt tại địa chỉ 80 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh với sàn giao dịch được thiết kế rộng rãi, hiện đại và tiện nghi.

Để chuẩn bị cho việc mở rộng mạng lưới hoạt động, thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh của công ty, trong năm 2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đã thành lập Văn phòng Đại diện Hà Nội đặt tại Số 05 Nguyễn Khắc Cần (4A ngõ Tràng Tiền), P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh
- Lưu ký chứng khoán

Qua hơn 03 năm hoạt động, công ty đã được hơn 2.151 nhà đầu tư tín nhiệm chọn là nơi mở tài khoản và giao dịch chứng khoán.

3. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông định hướng phát triển thành một trong những công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ môi giới chất lượng cao, cùng với mô hình hoạt động tiên tiến, linh hoạt, mang lại hiệu quả tối ưu cho nhà đầu tư.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Chỉ tiêu	Tình hình thực hiện	Kế hoạch
Doanh thu thuần	14.325.124.789	28.100.000.000
Lợi nhuận từ HĐKD	(11.265.281.231)	8.358.164.623
Lợi nhuận khác	27.142.320	
Lợi nhuận trước thuế	(11.238.138.911)	8.358.164.623
Lợi nhuận sau thuế	(11.238.138.911)	8.358.164.623

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Thị trường chứng khoán trong năm 2010 vẫn còn tồn đọng nhiều khó khăn từ ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tuy nhiên, VSDSE đã nỗ lực từng bước vượt qua, đồng thời vận dụng cơ hội để củng cố, tái cơ cấu bộ máy tổ chức, chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng phát triển ngay trong giai đoạn sau khủng hoảng.

Kế hoạch phát triển trong năm 2011 của VSDSE được xác định như sau:

- Mở rộng mạng lưới hoạt động, tiến tới thành lập chi nhánh tại Hà Nội.
- Định hướng phát triển mảng nghiệp vụ môi giới làm trọng tâm: tập trung phát triển khách hàng, từng bước nâng cao thị phần môi giới.
- Đầu tư đổi mới phần mềm quản lý hệ thống hiện đại để phục vụ nhà đầu tư nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.
- Rà soát lại các quy trình nghiệp vụ, thực hiện những điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả công việc và đáp ứng linh hoạt các nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu để quảng bá rộng rãi hơn nữa hình ảnh công ty đối với khách hàng.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bối cảnh bất ổn của tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Viễn Đông, dẫn đến kết quả năm 2010 đã không đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu đã có sự chuyển dịch hợp lý theo hướng doanh thu từ hoạt động dịch vụ chứng khoán và môi giới ngày càng chiếm tỷ trọng lớn.

Chỉ số tài chính:

Tính đến cuối tháng 12/2010, công ty vẫn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính:

- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng : 194 % (trên 180%)
- Tỷ lệ tổng nợ/vốn chủ sở hữu : 0,45% (không vượt quá 6 lần)
- Nợ ngắn hạn/tài sản ngắn hạn : 0,07% (nhỏ hơn 1)
- Giá trị còn lại của tài sản cố định/vốn điều 2,69% (không vượt quá 50%)
lệ:

Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận:

- Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, dẫn đến giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường chỉ bằng mức bình quân năm 2009 (2.500 tỷ đồng/phiên), thấp hơn nhiều so với dự báo khi xây dựng kế hoạch (3.500 tỷ đồng/phiên), đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu từ hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam không thuận lợi vào những tháng cuối năm 2010 đã làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động tự doanh của công ty gây ra kết quả lỗ từ mảng tự doanh.
- Mặc dù đã hết sức nỗ lực, theo dõi sát sao tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán nhưng công tác chỉ đạo, điều hành của Ban điều hành vẫn chưa theo kịp với những diễn biến và xu hướng của thị trường. Thị phần môi giới có cải thiện hơn năm 2009 nhưng vẫn không đạt được mục tiêu đề ra, làm ảnh hưởng đến doanh thu môi giới. Hoạt động tự doanh chưa tận dụng được hết các cơ hội khi thị trường tăng giá. Đây cũng là những nguyên nhân khiến cho kết quả kinh doanh không đạt kết quả như mong đợi.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Công ty đã chuẩn bị tốt cho việc thay đổi hệ thống phần mềm, nhằm mục đích tăng cường khả năng cạnh tranh bằng các sản phẩm hỗ trợ hoạt động môi giới và tăng cường kiểm soát rủi ro từ hoạt động này.
- Nâng cao trình độ của nhân viên môi giới thông qua các khóa đào tạo chuyên môn của Trung tâm đào tạo buổi tập huấn nội bộ của công ty, góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của khách hàng.
- Từng bước nâng cao chất lượng bản tin phân tích, đầu tư nội bộ cung cấp nhiều thông tin chính xác, kịp thời cho quyết định của nhà đầu tư.
- Xây dựng được mối quan hệ khá tốt với các tổ chức niêm yết để hỗ trợ nhiều thông tin cho nhà đầu tư giao dịch chứng khoán tại VDSE.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

2.1. Nhận định tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2011

- Xét về bối cảnh tình hình thế giới đang trên đà phục hồi, sẽ góp phần thúc đẩy cho sự phát triển của thị trường chứng khoán toàn cầu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề bất ổn về chính trị tại khu vực Trung Đông và bất ổn kinh tế tại khu vực Châu Âu sẽ là một trong những bước cản cho đà phục hồi này.
- Tình hình kinh tế Việt Nam theo kế hoạch đề ra mức tăng trưởng GDP 6,5 – 7%. Lạm phát có khả năng vượt mức một con số. Lãi suất cho vay sẽ dao động quanh mức 16 – 19%. Tỷ giá xoay quanh mức 20.500 – 22.000 đồng/USD.
- Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam: do ảnh hưởng của việc tăng giá điện, xăng dầu, thực phẩm và biến động về tỷ giá cũng như lãi suất sẽ được dự báo còn nhiều khó khăn trong 6 tháng đầu năm và được kỳ vọng sẽ chuyển biến tích cực hơn trong 6 tháng cuối năm 2011. Dự báo chỉ số VN-Index sẽ dao động trong năm ở mức 420 – 550 điểm, giá trị giao dịch bình quân ước đạt 2.400 – 2.800 tỷ đồng/phiên.

2.2. Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông

2.2.1. Lựa chọn mục tiêu kinh doanh

Trong bối cảnh tình hình vĩ mô đang khó khăn và diễn biến không thuận lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ban điều hành quyết định trình Hội Đồng Quản trị mục tiêu kinh doanh của năm 2011 như sau:

- Tập trung thay đổi hệ thống phần mềm quản lý giao dịch môi giới.
- Hạn chế hoạt động tự doanh, đẩy mạnh phát triển nghiệp vụ môi giới và tài trợ giao dịch cho khách hàng.
- Phát triển số lượng khách hàng mới nhằm mục đích nâng cao giá trị giao dịch môi giới trong năm 2011. Mục tiêu phấn đấu là đạt được 1.5% thị phần của toàn thị trường để lọt vào nhóm 15 công ty hàng đầu về thị phần môi giới.

2.2.2. Kế hoạch lợi nhuận năm 2011

a. Chỉ tiêu lợi nhuận năm 2011:

Do định hướng năm 2011 VDSE hạn chế hoạt động tự doanh (đây là hoạt động mang lợi thu nhập chính cho VDSE trong những năm trước đây) và bắt đầu đẩy mạnh hoạt động môi giới. Cho nên, Ban điều hành VDSE đưa ra

mục tiêu bảo toàn vốn và chuẩn bị nội lực cho việc phát triển môi giới. Dự kiến chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận năm 2011 là hoà vốn.

b. Hoạt động môi giới

- Số lượng tài khoản: dự kiến tăng thêm 1.200 tài khoản.
- Phân đầu đạt thị phần môi giới toàn thị trường là 1,5% thuộc nhóm 15 công ty dẫn đầu thị trường về thị phần môi giới toàn thị trường.

c. Hoạt động dịch vụ chứng khoán

- Hạn chế rủi ro nợ xấu đối với hoạt động tài trợ giao dịch ở mức dưới 1%.
- Tập trung chăm sóc khách hàng có chất lượng, kích hoạt giao dịch của nhóm khách hàng vắng lai và đẩy mạnh giao dịch trực tuyến.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	77,361,194,740	86,009,784,205
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	7,663,222,310	12,634,123,674
1. Tiền	111	7,663,222,310	12,634,123,674
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	24,319,950,158	13,348,435,262
1. Đầu tư ngắn hạn	121	24,876,006,427	13,624,326,962
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(556,056,269)	(275,891,700)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	31,944,212,095	42,575,370,505
1. Phải thu khách hàng	131	-	183,750,810
2. Trả trước cho người bán	132	214,296,250	316,325,560
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134	21,529,419,964	7,853,298,000
4. Các khoản phải thu khác	138	10,200,495,881	34,221,996,135
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	13,433,810,177	17,451,854,764
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	8,668,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	66,837,399	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	316,785,460	316,785,460
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	13,050,187,318	17,126,401,304
B. Tài sản dài hạn	200	50,396,978,596	65,068,913,158
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220	3,632,670,248	4,482,183,014

1. TSCĐ hữu hình	221	2,652,000,652	3,523,597,429
- Nguyên giá	222	6,095,428,198	5,698,057,998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(3,443,427,546)	(2,174,460,569)
2. TSCĐ vô hình	227	980,669,596	958,585,585
- Nguyên giá	228	1,603,714,585	1,277,197,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(623,044,989)	(318,611,815)
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	45,829,147,525	60,000,000,000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	45,829,147,525	60,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	935,160,823	586,730,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	382,840,895	358,020,445
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	445,766,728	137,210,599
3. Tài sản dài hạn khác	264	106,553,200	91,499,100
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	127,758,173,336	151,078,697,363
NGUỒN VỐN	<i>Mã số</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300	5,519,229,694	17,606,668,910
I. Nợ ngắn hạn	310	5,519,229,694	17,606,668,910
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	1,600,000,000	940,000,000
2. Phải trả người bán	312	177,176,086	428,534,752
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	214,224,315	33,239,749
4. Phải trả người lao động	315	49,390,335	8,751,647
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	1,650,661,400	8,525,095,000
6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	46,540,750	434,909,340
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(141,393,133)	(98,610,140)
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	1,922,629,941	7,334,748,562
II. Nợ dài hạn	330	-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	122,238,943,642	133,472,028,453
I. Vốn chủ sở hữu	410	122,238,943,642	133,472,028,453
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	135,000,000,000	135,000,000,000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5,054,100	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(12,766,110,458)	(1,527,971,547)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	127,758,173,336	151,078,697,363

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2010	Năm 2009
1.	Doanh thu	01	14,325,124,789	19,776,488,199
	Trong đó			
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	8,260,736,631	6,591,480,212
	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	5,437,630,154	11,777,595,746
	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-
	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	-
	- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	-	-
	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	-	-
	- Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7	-	-
	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	-	-
	- Doanh thu khác	01.9	626,758,004	1,407,412,241
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3.	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	14,325,124,789	19,776,488,199
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14,961,678,633	6,751,717,199
5.	Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh	20	(636,553,844)	13,024,771,000
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10,628,727,387	10,201,330,993
7.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(11,265,281,231)	2,823,440,007
8.	Thu nhập khác	31	528,708,690	42,909,400
9.	Chi phí khác	32	501,566,370	172,604,140
10.	Lợi nhuận khác	40	27,142,320	(129,694,740)
11.	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50	(11,238,138,911)	2,693,745,267
12.	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	-	-
13.	Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
14.	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	60	(11,238,138,911)	2,693,745,267

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(11,238,138,911)	2,693,745,267
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,772,689,641	1,701,016,497
Các khoản dự phòng	03	280,164,569	(4,167,506,081)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5,054,100	6,019,230
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(61,889,490)	207,829,264
Chi phí lãi vay	06	220,851,166	19,740,000
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	(9,021,268,925)	460,844,177
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	14,311,870,668	(30,835,355,687)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(12,747,439,216)	14,721,482,269
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(16,152,450)	1,591,192,154
Tiền lãi vay đã trả	13	(220,851,166)	(19,740,000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(42,548,300)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh	20	(7,693,841,089)	(14,124,125,387)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1,361,287,385)	(1,221,711,274)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	500,000,000	42,909,400
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11,251,679,465)	(22,837,210,987)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14,170,852,475	45,674,421,974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,057,885,625	21,658,409,113
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	11,550,000,000	940,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10,890,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính	40	660,000,000	940,000,000

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4,975,955,464)	8,474,283,726
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12,634,123,674	4,165,859,178
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(5,054,100)	6,019,230
Tiền tồn cuối kỳ	70	7,663,222,310	12,634,123,674

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH kiểm toán DFK Việt Nam

2. Ý kiến của kiểm toán độc lập :

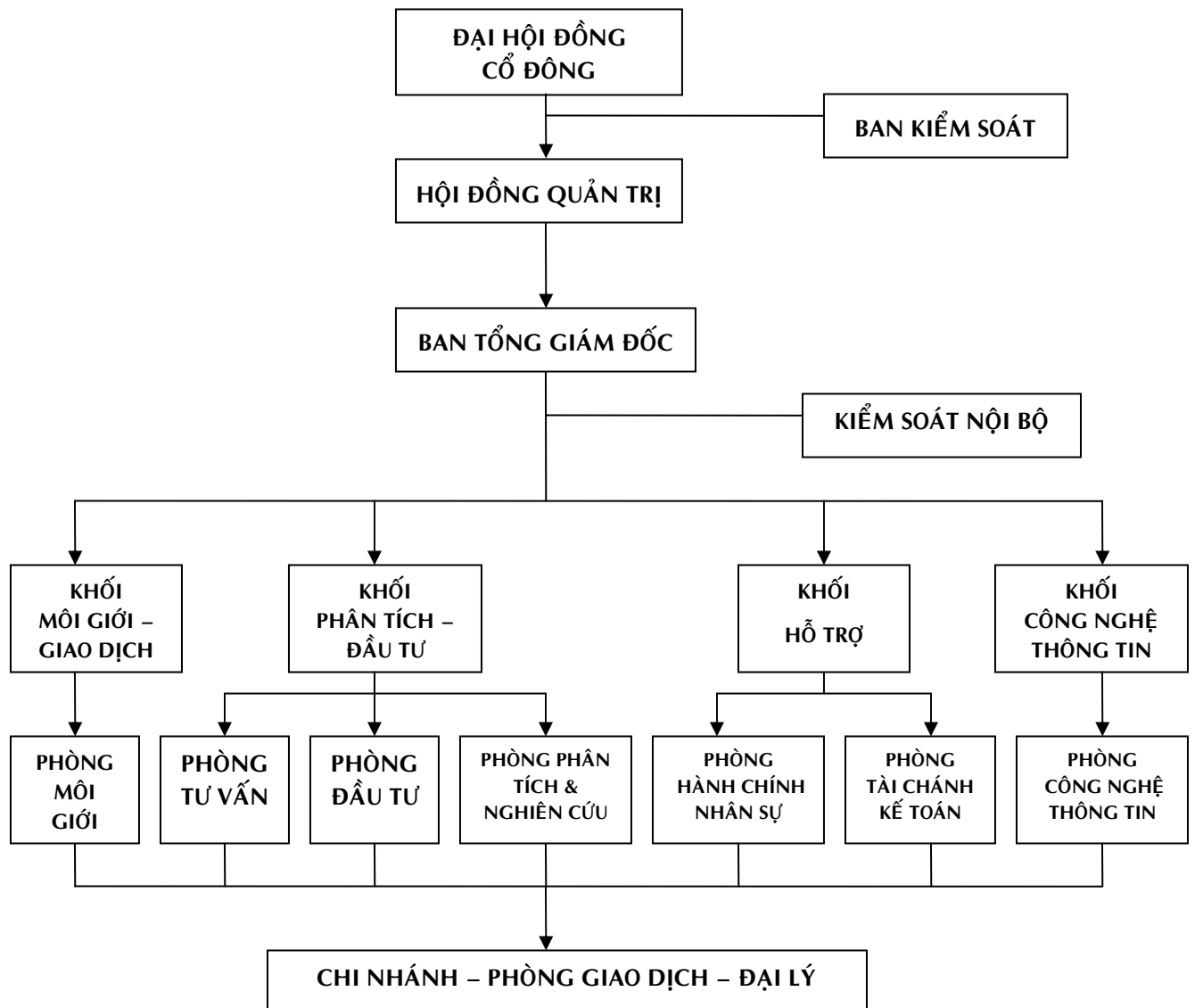
Ngoại trừ việc Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Âu Lạc do không có cơ sở chắc chắn để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư, các Báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty Công ty cổ phần chứng khoán Viễn Đông tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty : Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông với tỷ lệ nắm giữ là : 77.78 %
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : không

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

<p>Bà Đỗ Sông Hồng Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc</p>	<p>Bà Đỗ Sông Hồng tốt nghiệp cao học chuyên ngành tài chính tại trường Đại Học Golden Gate, San Francisco, California..</p> <p>Bà có 8 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính ở các vị trí quản trị cấp cao. Bà từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Trung Tâm Thẻ Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín, Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Đầu Tư Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM). Ngoài ra, bà Hồng cũng từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Đầu Tư Công ty Bảo Hiểm Viễn Đông. Bà tham gia vào Hội Đồng Quản Trị Công ty Chứng Khoán Viễn Đông và giữ chức vụ Tổng Giám Đốc</p>
<p>Ông Nguyễn Thanh Tuyên Phó Tổng Giám Đốc</p>	<p>Ông Nguyễn Thanh Tuyên tốt nghiệp cao học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. Ông Tuyên có 8 năm kinh nghiệm làm việc ở các vị trí quản lý tại Ngân hàng Sacombank và Công ty Chứng khoán Sacombank – SBS. Trước khi trở thành Phó Tổng Giám Đốc Công ty Chứng khoán Viễn Đông, Ông Tuyên đã đảm nhận vị trí Trưởng phòng Đầu tư và Giám đốc Khối Môi giới – Giao dịch của Công ty Chứng khoán Viễn Đông.</p>

Ông Nguyễn Võ Minh Quân Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Võ Minh Quân tốt nghiệp cao học tại Southern California University for Professional Studies (SCUPS) USA. Ông Quân từng đảm trách các chức vụ quản lý tại Công ty Cổ phần Saigon Kymdan, Công ty Chứng khoán Sacombank – SBS, Công ty Bảo hiểm Viễn Đông. Ông Quân từng được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Phân tích – Đầu tư và Giám đốc Khối Phân tích – Đầu tư trước khi trở thành Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông.
--	--

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2010, tổng số lượng cán bộ nhân viên VDSE là 60 người, trong đó có 13 cán bộ quản lý, 47 nhân viên

Trình độ học vấn	Số lượng
Sau Đại học	8
Đại học	38
Cao đẳng, Trung học	8
Phổ thông	6
Tổng cộng	60

Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của người lao động tại VDSE trong năm 2010 vào khoảng **8,900,000** đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập khá cạnh tranh so với các đơn vị cùng ngành.

Chính sách đào tạo

VDSE luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện kỹ năng cho CBNV bằng các hình thức: đào tạo tại chỗ và cử CBNV tham gia các chương trình đào tạo, khóa huấn luyện nghiệp vụ.

Tiền lương

VDSE đã xây dựng quy chế tiền lương đảm bảo cho người lao động có thu nhập tương xứng với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật. Hàng năm, công ty đều thực hiện công tác xem xét, đánh giá công việc của CBNV để thực hiện việc nâng lương cho người lao động phù hợp với năng lực thực tế.

Khen thưởng

Nhằm khuyến khích cán bộ nhân viên hoạt động tích cực và nâng cao hiệu quả công việc, VDSE có chính sách khen thưởng định kỳ và đột xuất cho các tập thể và cá nhân đạt được thành tích nổi bật, đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Phúc lợi

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, VDSE còn có các chế độ cho cán bộ nhân viên vào dịp lễ, Tết; khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên; cấp phát trang phục làm việc; chế độ đi nghỉ mát hàng năm...

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

❖ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 6 người, trong đó có 5 thành viên HĐQT là thành viên độc lập, không điều hành:

- Ông Trần Văn Ngọc : Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Trọng Hân : Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Huỳnh Sơn Phước : Phó Chủ tịch HĐQT
- Bà Đỗ Sông Hồng : Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Kim Ánh: Ủy viên HĐQT

❖ Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Tiến : Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Châu Hoài : Thành viên BKS
- Ông Trương Tòng Bui : Thành viên BKS

Trong đó, Ông Nguyễn Châu Hoài đã từ trần vào tháng 9/2010. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ được bầu bổ sung trong Đại hội cổ đông năm 2011.

❖ Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2009, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đã họp, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như sau:

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty
- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông
- Quyết định các vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong các vấn đề: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và kế hoạch kinh doanh năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương và các quy chế, quy định khác.

❖ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Tham khảo các mô hình tổ chức và quản trị tiên tiến của thế giới, kết hợp với kinh nghiệm sẵn có, Hội đồng quản trị và Ban điều hành từng bước áp dụng và xây dựng hoàn thiện mô hình công ty hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả.

Ban điều hành giao quyền tự chủ cho các phòng nghiệp vụ trong việc hoạch định kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ của phòng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty nhằm phát huy tối đa tính tự chủ, sáng tạo trong công việc của nhân viên.

Ban điều hành có kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm giám sát việc thực hiện kế hoạch của các phòng nghiệp vụ cũng như đảm bảo việc tuân thủ các quy chế, quy định của công ty.

❖ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

- Tổng số thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhận thù lao : 8 thành viên (trong đó HĐQT : 5 thành viên và Ban kiểm soát là 3 thành viên).
- Thù lao và chi phí hoạt động năm 2010 : 141 triệu đồng.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

❖ Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty

STT	Cổ đông lớn, thành viên góp vốn	Số giấy CMND/ CNDK KD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính
1	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	23/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 07/01/2003	99 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
2	Công ty cổ phần Thế Kỷ 21	064078 do Sở KHĐT Tp.HCM cấp ngày 05/06/2007	41 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP.HCM
3	Ngân hàng TMCP Việt Á	Giấy phép thành lập và hoạt động số: 12/NH-GP do NHNN cấp ngày 09/05/2003	115-121 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM